

Chi tiết mã HS 1514.19.90

Mã HS	1514.19.90
Mô tả hàng hóa	Dầu cây cải dầu (rape oil hoặc colza oil) hoặc dầu mù tạt và các phần phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hóa học / - Dầu cây cải dầu hàm lượng axit eruxic thấp và các phần phân đoạn của chúng: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	01/11/2026 05:40:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/15141990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K1976
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N1976
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q1976
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	1,8	1,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	1,8	1,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E1976
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1949
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1949
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1949
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1949
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1949
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1949
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E1979
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F1979
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G1979

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H1979
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I1979
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J1979
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E1981
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F1981
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G1981
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H1981
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I1981
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J1981
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F1983
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1951
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1951
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1951
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1951
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1951
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1951
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1951
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1949
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1949
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1949
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1949
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1949
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1949
VCFTA	2022	2022	0	VC!D1990
VCFTA	2023	2023	0	VC!E1990
VCFTA	2024	2024	0	VC!F1990

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G1990
VCFTA	2026	2026	0	VC!H1990
VCFTA	2027	2027	0	VC!I1990
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D1989
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E1989
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F1989
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G1989
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H1989
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I1989
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D1995
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E1995
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F1995
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G1995
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H1995
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I1995
EVFTA	2022	2022	3,6	EV-NK!D1954
EVFTA	2023	2023	3,1	EV-NK!E1954
EVFTA	2024	2024	2,7	EV-NK!F1954
EVFTA	2025	2025	2,2	EV-NK!G1954
EVFTA	2026	2026	1,8	EV-NK!H1954
EVFTA	2027	2027	1,3	EV-NK!I1954
UKVFTA	2022	2022	3,6	UKV!D1956
UKVFTA	2023	2023	3,1	UKV!E1956
UKVFTA	2024	2024	2,7	UKV!F1956
UKVFTA	2025	2025	2,2	UKV!G1956
UKVFTA	2026	2026	1,8	UKV!H1956

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	1,3	UKV!I1956
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	1,6	CPTPP!D1956
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0,8	CPTPP!E1956
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F1956
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G1956
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H1956
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I1956
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J1956
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D1981
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E1981
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F1981
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G1981
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H1981
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I1981
RCEP B	2022	2022	0	B!D1981
RCEP B	2023	2023	0	B!E1981
RCEP B	2024	2024	0	B!F1981
RCEP B	2025	2025	0	B!G1981
RCEP B	2026	2026	0	B!H1981
RCEP B	2027	2027	0	B!I1981
RCEP C	2022	2022	0	C!D1981
RCEP C	2023	2023	0	C!E1981
RCEP C	2024	2024	0	C!F1981
RCEP C	2025	2025	0	C!G1981
RCEP C	2026	2026	0	C!H1981
RCEP C	2027	2027	0	C!I1981

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D1981
RCEP D	2023	2023	0	D!E1981
RCEP D	2024	2024	0	D!F1981
RCEP D	2025	2025	0	D!G1981
RCEP D	2026	2026	0	D!H1981
RCEP D	2027	2027	0	D!I1981
RCEP E	2022	2022	0	E!D1984
RCEP E	2023	2023	0	E!E1984
RCEP E	2024	2024	0	E!F1984
RCEP E	2025	2025	0	E!G1984
RCEP E	2026	2026	0	E!H1984
RCEP E	2027	2027	0	E!I1984
RCEP F	2022	2022	0	F!D1981
RCEP F	2023	2023	0	F!E1981
RCEP F	2024	2024	0	F!F1981
RCEP F	2025	2025	0	F!G1981
RCEP F	2026	2026	0	F!H1981
RCEP F	2027	2027	0	F!I1981
VIFTA	2024	2024	*	VI!F1841
VIFTA	2025	2025	*	VI!G1841
VIFTA	2026	2026	*	VI!H1841
VIFTA	2027	2027	*	VI!I1841

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 1514.19 có 3 dòng thuế; dòng 1514.19.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	1514.19.10 Các phần phân đoạn của dầu chưa tinh chế; 1514.19.20 Đã tinh chế	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1514.19.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 1514.19.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N1976), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.